TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2018
V/v ly hôn giữa bà H và ông C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thanh

Bà Lê Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Ông Trần Đình C – sinh năm 1957 (vắng mặt)
- Địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông C cưới nhau vào ngày 28 tháng 10 năm 1980 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C chơi bời, nợ nần chồng chất, bà phải đứng ra trả nợ cho ông C rất nhiều lần. Sau đó bà và gia đình đã khuyên bảo nhưng ông C không sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2015 bà và ông C sống ly thân,

không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Đình C.

Về con chung: Bà và ông C có 04 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; cháu Trần Thị T, sinh năm 1985; cháu Trần Thị T, sinh năm 1989 và cháu Trần Đình N, sinh năm 1990 các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà và ông C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại đơn đề nghị ngày 21/9/2018 bị đơn ông Trần Đình C trình bày: Ông và bà Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 1981, không có đăng ký hết hôn, quá trình chung sống không hạnh phúc. Khoảng năm 2015 bà H đi chơi với bạn thân về, sau đó bà H sống lạnh nhạt với ông, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay bà H làm đơn ly hôn ông không nhất trí, vì tuổi đã cao ông không muốn về việc bà H ly hôn ông. Nếu bà H quyết tâm xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung; Ông và bà H có 04 con chung hiện nay các cháu đều đã trưởng thành như bà H trình bầy là đúng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bầy và đề nghị nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Trần Đình C.

Về con chung: Bà H và ông C có 04 con chung hiện nay các cháu đều đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên cũng không xem xét giải quyết

Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Đình C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trần Đình C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định cuả Luật hôn nhân gia đình năm 2914; tại điểm b khoản 4 Điều 2 hướng dẫn *"Người đang có vợ hoặc có chồng"* qui định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là *"Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn..."*. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Trần Đình C xác lập từ năm 1980 xác định là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ, hướng giải quyết theo luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C chơi bời không quan tâm đến vợ con, đầu năm 2015 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì với nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Đình C, nhưng ông cho rằng tuổi đã cao nên không nhất trí việc bà H ly hôn ông.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, có duy trì cũng không thể chung sống đoàn tụ được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông Trần Đình C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà và ông C có 04 con chung là cháu Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; cháu Trần Thị T, sinh năm 1985; cháu Trần Thị T, sinh năm 1989 và cháu Trần Đình N, sinh năm 1990 hiện các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 5; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Xử ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Trần Đình C

2. Về án phí: bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai số 0002060 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (bà H đã nộp đủ án phí).

3. Bà Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Đình C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.